

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW);

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1705/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT ngày 26/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT);

Căn cứ Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án số 16-ĐA/TU);

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 02-CTr/TU);

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/ĐU ngày 28/10/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 07-CTr/ĐU);

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; nội dung cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai nội dung Quyết định số 1705/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Lồng ghép hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg với các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, các Kế hoạch, Đề án phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo sau sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Tạo điều kiện để toàn xã hội được tham gia, đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Huy động sự tham gia của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và người dân trong triển khai các hoạt động về giáo dục và đào tạo, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

## **2. Yêu cầu**

- Tổ chức triển khai Quyết định số 1705/QĐ-TTg sâu rộng, hiệu quả, tiết kiệm với các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở giáo dục trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo; lồng ghép các nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo với nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực dành cho công tác giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu, bối cảnh trong tình hình mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở giáo dục.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển giáo dục tỉnh Thái Nguyên theo hướng hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện con người Thái Nguyên, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các tiến bộ mới nhất của khoa học và công nghệ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và nhu cầu thị trường lao động; ưu tiên phát triển nhân lực kỹ thuật cho các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số và ngành, nghề mới; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, bản sắc, văn hóa người Thái Nguyên, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế. Đến năm 2030, giáo dục tỉnh Thái Nguyên đạt trình độ tiên tiến theo mục tiêu chung của quốc gia.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### **2.1. Giáo dục mầm non**

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 40% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97,5% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi), 100% trẻ em 5 tuổi.

Phấn đấu có 100% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

Phấn đấu tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có 82% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

### **2.2. Giáo dục phổ thông**

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, tỉnh duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; hoàn thành giáo dục bắt buộc cấp trung học cơ sở vào năm 2030.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,6%, cấp trung học cơ sở đạt 99,5%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99,9% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 98%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định.

Phấn đấu số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5,5%.

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông đạt 100%; phấn đấu 100% các xã đặc biệt khó khăn có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú; có 90,4% trường tiểu học, 78,4% trường trung học cơ sở và 58,8% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

### **2.3. Giáo dục thường xuyên**

- Phấn đấu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,5%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98,85%.

- Tiếp tục duy trì 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỉnh duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

## **2.4. Giáo dục nghề nghiệp**

Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhu cầu nhân lực các khu, cụm công nghiệp. Xây dựng các trường trung học nghề theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần đầu Trường Cao đẳng Thái Nguyên đạt chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4.

Phần đầu 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

Phần đầu có khoảng 15 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 05 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới.

Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 65%. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 25%.

## **2.5. Giáo dục đại học**

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 360, tỷ lệ sinh viên đại học trong độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%, tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại Việt Nam đạt 1,5%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 40%.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt ít nhất 40%.

Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn.

Phần đầu 100% cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian của các cơ sở giáo dục đại học đạt 0,66 công trình/năm.

Có 01 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong số 500 trường đại học tốt nhất châu Á.

## **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Giáo dục phổ thông được xếp hạng trong nhóm 15 về hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng.

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao của quốc gia, đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

Đại học Thái Nguyên phân đầu năm trong nhóm 400 trường đại học hàng đầu châu Á (theo Bảng xếp hạng QS).

*(Phụ lục I - Các chỉ tiêu thực hiện Chiến lược đến năm 2030 gửi kèm theo).*

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Hoàn thiện thể chế**

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của địa phương, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho phát triển giáo dục và đào tạo. Cụ thể:

Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng chính quyền địa phương giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

Tập trung nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng xây dựng các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh để tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nghiên cứu có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Thái Nguyên.

Thực hiện chính sách động viên kịp thời đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, Đề án thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các Đề án, Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Thái Nguyên.

*(Phụ lục II - Danh mục các nhiệm vụ, Đề án thực hiện Chiến lược kèm theo).*

## **2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường**

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục, trong hệ thống giáo dục quốc dân từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn của tỉnh và quốc gia; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội. Rà soát, đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

## **3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục**

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Tạo điều kiện cho trẻ dưới 36 tháng tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ cho người học, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người.

Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Củng cố và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, đồng thời tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Phấn đấu đến năm 2030, 100% các xã đặc biệt khó khăn có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú.

#### **4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân**

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, đẩy mạnh liên kết doanh nghiệp và xã hội hoá đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao; nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Phối hợp triển khai thực hiện Quy hoạch Đại học Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học đại học của Nhân dân và yêu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển.

### **5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục**

Thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến trong phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông. Tăng cường quản lý, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; đồng thời quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học, tạo nền tảng vững chắc để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

Chú ý công tác phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM; ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực của tỉnh. Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

## **6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành Giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, hoàn thành trước năm 2030.

Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu của các đơn vị, nhà trường; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

Thực hiện chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

## **7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục**

Bảo đảm bố trí chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ phát triển giáo dục và đào tạo. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách phù hợp với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Ngân sách nhà nước ưu tiên bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, thực hiện chính sách miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo quy định; đồng thời phục vụ công tác xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm, chương trình mục tiêu và phát triển các ngành, nghề mũi nhọn. Đặc biệt, ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo phương thức cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục dựa trên kết quả đầu ra. Việc thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu cần dựa trên hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng đối với từng loại hình dịch vụ đào tạo. Đồng thời, từng bước bảo đảm bình đẳng trong việc thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước giữa người học tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và toàn xã hội trong phát triển giáo dục, đặc biệt là đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, trong đó ưu tiên các cơ sở chất lượng cao và hoạt động không vì lợi nhuận.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục; khuyến khích thành lập các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích tốt trong học tập. Đồng thời, thúc đẩy các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Xây dựng và triển khai các chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông, bảo đảm các điều kiện tối thiểu để thực hiện chương trình giáo dục. Tích hợp các mục tiêu phát triển cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Huy động đa dạng các nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, bao gồm ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Đồng thời, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công, tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn lực xã hội tham gia phát triển hệ thống cơ sở giáo dục.

## **8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục**

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và chuẩn hoá cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục; đảm bảo tính liên thông đồng bộ, thống nhất, kết nối an toàn thông tin dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; phấn đấu 100% cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

## **9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học**

Đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực là thế mạnh của Đại học Thái Nguyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tăng cường công bố khoa học, phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liêm chính học thuật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ gắn với ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, cải thiện năng suất lao động, tạo ưu thế cạnh tranh về môi trường đầu tư của tỉnh và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học với doanh nghiệp; từng bước hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục ở các cơ sở giáo dục và đào tạo.

### **10. Tăng cường hội nhập quốc tế**

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về chương trình và học liệu, phương pháp giảng dạy; nghiên cứu phát triển các mô hình trường học mới theo kinh nghiệm quốc tế nhằm kiến tạo môi trường làm việc quốc tế trong các cơ sở giáo dục. Tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh và nước ngoài.

Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; thu hút giảng viên, nhà khoa học, sinh viên quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu và học tập tại tỉnh; tăng cường cơ chế phối hợp và chia sẻ giữa các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh để đa dạng hóa các hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; khuyến khích các môn học tăng số tiết dạy bằng tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế; đổi mới công tác quản lý, chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường hội nhập quốc tế.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng định kỳ để nâng cao năng lực hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ giảng dạy và đặc biệt là cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của giảng viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Ngân sách nhà nước được bố trí hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

- Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì tham mưu, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, các địa phương để cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Đại học Thái Nguyên, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức dự báo và thông tin về nhu cầu nhân lực của tỉnh.

## **2. Đề nghị Đại học Thái Nguyên**

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển giáo dục đại học. Thực hiện Thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa tỉnh Thái Nguyên và Đại học Thái Nguyên để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Đại học Thái Nguyên; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và khu vực trung du miền núi Phía Bắc.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh rà soát nhu cầu, xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao một số ngành, nghề trọng điểm, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Mở rộng quy mô đào tạo hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn giáo dục đại học; Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao một số ngành, nghề trọng điểm của tỉnh.

## **3. Trường Cao đẳng Thái Nguyên**

- Chủ trì tham mưu, xây dựng kế hoạch để hoàn thành các tiêu chí đạt trường chuẩn quốc gia vào năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, dạy nghề; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho đội ngũ nhà giáo, ưu tiên đầu tư các ngành, nghề trọng điểm theo hướng hiện đại, tiếp cận chuẩn các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

- Tuyển sinh các trình độ giáo dục nghề nghiệp (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và các chương trình đào tạo khác) đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao để tăng năng suất lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, gắn với chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0.

## **4. Sở Nội vụ**

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh đề nghị Trung ương ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện cơ chế, chính sách của Trung ương, tham mưu cơ chế chính sách của tỉnh (nếu có) để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở trong và ngoài nước về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

### **5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo thực hiện hiệu quả phong trào thể dục thể thao học đường; phối hợp tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp; hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Thái Nguyên phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện tuyên truyền về giáo dục. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin, bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo.

### **6. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh, góp phần nâng cao thể lực, sức khỏe của Nhân dân.

### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục, bảo đảm an toàn thông tin, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo; hỗ trợ triển khai các hoạt động giáo dục STEM/STEAM trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hỗ trợ vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương.

### **8. Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị đề nghị, căn cứ tiêu chuẩn định mức, khả năng cân đối ngân sách hằng năm, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước kế hoạch trung hạn và hằng năm cho các sở, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo thực hiện mục tiêu, giải pháp của Chiến lược; bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

### **9. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

Tuyên truyền và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Chiến lược tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng đối tượng thụ hưởng của từng chương trình.

## **10. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; đảm bảo kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương.

## **11. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; lồng ghép thực hiện nội dung các chương trình, đề án, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

## **VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm (trước ngày 15/6) và hằng năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập); Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định.

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo và PT, TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Thăngpv.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Lượng**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu quốc gia đến 2030	Chỉ tiêu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC MẦM NON (10 chỉ tiêu)</b>		
1	Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt
2	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi mẫu giáo	Hoàn thành	Hoàn thành
3	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ	38%	40%
4	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)	97%	97,5% (trẻ em từ 3 đến 5 tuổi)
			100% (trẻ em 5 tuổi)
5	Tỷ lệ trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày	99,5%	100%
6	Giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục	100%	100%
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục	30%	30%
8	Trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục	35%	35%
9	Tỷ lệ phòng học kiên cố	100%	100%
10	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	65%	82%
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (21 chỉ tiêu)</b>		
1	Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Đạt	Đạt

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ tiêu quốc gia đến 2030</b>	<b>Chỉ tiêu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030</b>
2	Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	75% số tỉnh	Đạt
3	Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	40% số tỉnh	Đạt
4	Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	60% số tỉnh	Đạt
5	Tỉnh hoàn thành giáo dục bắt buộc cấp trung học cơ sở	Đạt	Đạt
6	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học	99,5%	99,6%
7	Tỷ lệ đi học cấp trung học cơ sở	97%	99,5%
8	Tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học	99,7%	99,7%
9	Tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở	99%	99,9%
10	Tỷ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	95%	98%
11	Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở	99,5%	99,5%
12	Tỷ lệ chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác	95%	95%
13	Tỷ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày	100%	100%
14	Giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục	100%	100%
15	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông tự thực	5%	5%
16	Tỷ lệ học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tự thực	5,5%	5,5%
17	Tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông	100%	100%
18	Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	70%	90,4%

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ tiêu quốc gia đến 2030</b>	<b>Chỉ tiêu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030</b>
19	Tỷ lệ trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	75%	78,4%
20	Tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	55%	58,8%
21	Tỷ lệ các xã đặc biệt khó khăn có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú		100%
<b>III</b>	<b>GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (6 chỉ tiêu)</b>		
1	Tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60	99,15%	99,5%
2	Trong đó, tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	98,85%	98,85%
3	Tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	90% số tỉnh	Đạt
4	Triển khai mô hình thành phố học tập	Toàn quốc	Toàn tỉnh
5	Số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được công nhận danh hiệu tỉnh, thành phố học tập	35%	Đạt
6	Phần đầu có 10 đơn vị hành chính tham gia vào Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO vào năm 2030	10 đơn vị	Đạt
<b>IV</b>	<b>GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (6 chỉ tiêu)</b>		
1	Xây dựng các trường trung học nghề theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		Theo hướng dẫn của Bộ GDĐT
2	Phần đầu Trường Cao đẳng Thái Nguyên đạt chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4		Đạt
3	Tỷ lệ ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia		90%
4	Số lượng các ngành, nghề trọng điểm, trong đó có các ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới		15 ngành, nghề trọng điểm; 05 nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ tiêu quốc gia đến 2030</b>	<b>Chỉ tiêu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030</b>
5	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông		65%
6	Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên		25%
<b>V</b>	<b>GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (8 chỉ tiêu)</b>		
1	Số sinh viên đại học/vạn dân	≥ 260	360
2	Tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22	≥ 33%	≥ 33%
3	Tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại Việt Nam	1,5%	1,5%
4	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt	≥ 40%	40%
5	Dịch chuyên cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM)	35%	40%
6	Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn	100%	100%
7	Cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp	100%	100%
8	Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 0,66 công trình/năm	0,66	0,66
<b>TỔNG CỘNG: 51 chỉ tiêu</b>			

**Phụ lục II****DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>Stt</b>	<b>Nghị quyết, Đề án, Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì tham mưu</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian triển khai thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>CÁC NGHỊ QUYẾT, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ CỦA TRUNG ƯƠNG</b>			
1	Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
2	Luật Học tập suốt đời	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2029
3	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
4	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
5	Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15	Đại học Thái Nguyên	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
6	Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026

Stt	Nghị quyết, Đề án, Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai thực hiện
7	Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	2026 - 2030
8	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
9	Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
10	Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
11	Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
12	Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
13	Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2027
14	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
15	Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
16	Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
17	Đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên	Từ năm 2026

Stt	Nghị quyết, Đề án, Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai thực hiện
18	Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
19	Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
20	Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
21	Đề án phát triển y tế học đường	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
22	Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
23	Đề án tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học	Đại học Thái Nguyên	Các sở, ban, ngành của tỉnh	Từ năm 2027
24	Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030 - 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2029
25	Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
26	Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026

Stt	Nghị quyết, Đề án, Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai thực hiện
<b>II</b>	<b>CÁC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN</b>			
1	Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71/NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
2	Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	2026 - 2030
3	Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Bảo đảm cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030
4	Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	2026 - 2030
5	Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	2026 - 2030
6	Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030
7	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030

Stt	Nghị quyết, Đề án, Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai thực hiện
8	Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2030
9	Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045” tỉnh Thái Nguyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường	Từ năm 2026
10	Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh về đào tạo nhân lực phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành của tỉnh; Đại học Thái Nguyên; UBND các xã, phường	2026 - 2030